TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 09/03/2022
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải.

Ông Lê Quang Thanh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021; Theo thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 01/TB-TA, ngày 10/01/2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS, ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 08, đường Lê D, tổ 08, ấp 03, xã Mỹ Tr, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị H là: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 118/27, đường Võ Trường T, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2021).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1975.

2. Trần Thanh L, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số nhà 621, đường Tân Việt H, tổ 2, khóm 2, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Nguyễn Thị Nh là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt; chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (có bà Nguyễn Thị Nh là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 18/12/2019, vợ chồng chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L có làm biên nhận vay chị H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận miệng với mức lãi suất là 3%/tháng. Chị M và anh L cam kết 01 đến 02 tháng sẽ trả lại cho chị Hạnh tiền gốc và lãi.

Tuy nhiên đến nay, chị M và anh L vẫn chưa trả cho chị H được khoản tiền nào. Chị H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chị M và anh L trả tiền nhưng chị M và anh L vẫn không trả.

Nay chị H yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đồng thời yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng trên nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày 09/3/2022 là 11 tháng 9 ngày số tiền 42.745.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 542.745.000 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 10/3/2022 cho đến ngày thi hành án xong.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không nộp văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H, buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L liên đới trả số tiền gốc và lãi cho chị H số tiền là 542.745.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L có địa chỉ tại số nhà 621, đường Tân Việt H, tổ 2, khóm 2, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý, Toà án tiến hành xác minh địa chỉ chị M và anh L, cơ quan có thẩm quyền xác định chị M và anh Lâm không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên, không xác định được chị M và anh L đã đi đâu. Đồng thời, chị H cũng xác định, hiện tại không biết được chị M và anh L đang ở đâu.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, khi ký kết giao dịch vay tiền, địa chỉ mà đương sự ghi trong biên nhận và địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu của bị đơn là có thật và cùng một địa chỉ. Căn cứ vào Điều 5,

Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự đã hướng dẫn cụ thể: "...Trong trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...". Như vậy, chị M và anh L xác lập giao dịch tại phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhưng hiện nay chị M và anh L bỏ địa phương đi, không thông báo cho chị Nguyễn Thị H biết địa chỉ mới thì được coi như trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bằng việc thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thể hiện qua các phương tiện như: Báo Thanh Niên các số 285, 286, 287 lần lượt qua các ngày 30/10, 31/10, 01/11/2021; phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 01, 02 và 03 tháng 11 năm 2021; đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án vào ngày 08/11/2021. Tuy nhiên, chị M và anh L cũng không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối chị M và anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì theo biên nhận ngày 18/12/2019 chị Nguyễn Thị H thể hiện có cho chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L vay số tiền là 500.000.000 đồng. Hai bên thoả

thuận miệng thời hạn vay là 01 đến 02 tháng sẽ trả lại cho chị H cả tiền gốc và lãi, lãi suất 3%/tháng.

Hội đồng xét xử, xét thấy theo biên nhận ngày 18/12/2019 do nguyên đơn cung cấp có thể hiện chị M và anh L vay của chị H số tiền 500.000.000 đồng là có thật. Từ khi vay đến nay chị M và anh L không thực hiện đúng theo như thoả thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị H yêu cầu chị M và anh L liên đới trả số tiền gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[3.2] Về lãi suất: Trong biên nhận vay ngày 18/12/2019 hai bên không ghi thời hạn trả nợ và không ghi lãi suất. Chị H yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng trên nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày 09/3/2022 là 11 tháng 9 ngày số tiền 42.745.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của chị H hai bên thoả thuận lãi suất bằng miệng là 3%/tháng nhưng chị H không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, trong biên nhận không thể hiện thời hạn vay và lãi suất nên xác định hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất nên chị H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 28/4/2021 đến ngày 09/3/2022, lãi suất 0.83%/tháng là 11 tháng 9 ngày số tiền 42.745.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên chị M và anh L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị H không phải chịu án phí.

[6] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L liên đới trả số tiền gốc và lãi là 542.745.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền vốn là 542.745.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày 10/3/2022 cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Trần Thanh L liên đới phải chịu án phí số tiền là 25.709.800 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 14.672.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015547 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Huế

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đoan Hùng – Bùi Thị Hoàng **HuỳnhThị Thơm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

"***Để thi hành***"
TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***Nơi nhận*:**
- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thơm

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

Huỳnh Thị Thơm